

STT	Xã/phường	Tên trường	Tổng số HS KS	PHỔ ĐIỂM																				Điểm trung bình						
				Điểm 0		≥ 0 < 1		≥ 1 < 2		≥ 2 < 3		≥ 3 < 4		≥ 4 < 5		≥ 5 < 6		≥ 6 < 7		≥ 7 < 8		≥ 8 < 9			≥ 9 < 10		Điểm 10			
				SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %		SL	TL %	SL	TL %		
148	Xã Tân Minh	Trường THCS Yên Lợi	77							5	6.49	10	12.99	14	18.18	15	19.48	11	14.29	12	15.58	6	7.79	4	5.19					5.71
149	Phường Trương Thi	THCS Thanh Lợi	255				4	1.57	20	7.84	27	10.59	36	14.12	52	20.39	41	16.08	34	13.33	30	11.76	11	4.31					5.70	
150	Phường Duy Hà	Trường THCS Duy Minh	152				5	3.29	11	7.24	21	13.82	27	17.76	36	23.68	28	18.42	21	14.00	14	9.21	6	3.95					5.70	
151	Xã Nghĩa Sơn	Trường THCS Nghĩa Lạc	140	1	0.71	1	0.71	3	2.14	2	1.43	13	9.29	26	18.57	33	23.57	17	12.14	29	20.71	12	8.57	4	2.86					5.69
152	Xã Minh Thái	Trường THCS Trúc Thái	121				3	2.48	4	3.31	10	8.26	22	18.18	29	23.97	24	19.83	16	13.22	9	7.44	4	3.31					5.68	
153	Xã Yên Đông	Trường THCS Yên Đông	210				3	1.43	17	8.10	36	17.14	29	13.81	27	12.86	27	12.86	33	16.00	23	10.95	15	7.14					5.67	
154	Xã Giao Hưng	Trường THCS Giao Châu	123				4	3.25	13	10.57	13	10.57	22	17.89	17	13.82	14	11.38	10	8.13	14	11.38	16	13.01					5.67	
155	Phường Kim Thanh	Trường THCS Nhật Tú	83				1	1.20	3	3.61	8	9.64	14	16.87	21	25.30	15	18.07	13	16.00	5	6.02	3	3.61					5.67	
156	Xã Thanh Bình	Trường TH&THCS Liêm Thuận	90				1	1.11	5	5.56	8	8.89	12	13.33	23	25.56	15	16.67	16	18.00	7	7.78	3	3.33					5.67	
157	Xã Giao Bình	Trường THCS Giao Yên	133				3	2.26	14	10.53	13	9.77	10	7.52	26	19.55	25	18.80	19	14.29	17	12.78	6	4.51					5.66	
158	Xã Ý Yên	Trường THCS Hồng Quang	161				6	3.73	9	5.59	14	8.70	21	13.04	34	21.12	42	26.09	20	12.42	12	7.45	3	1.86					5.66	
159	Xã Vũ Dương	Trường TH&THCS Yên Mỹ	68						3	4.41	3	4.41	19	27.94	15	22.06	15	22.06	5	7.35	5	7.35	3	4.41					5.66	
160	Xã Giao Phúc	Trường THCS Giao Hải	95				3	3.16	4	4.21	10	10.53	8	8.42	29	30.53	15	15.79	13	13.68	12	12.63	1	1.05					5.65	
161	Phường Vị Khê	Trường TH&THCS Nam Toàn	99				1	1.01	8	8.08	10	10.10	11	11.11	21	21.21	25	25.25	10	10.10	7	7.07	6	6.06					5.65	
162	Xã Vĩnh Trụ	THCS Vĩnh Trụ	165				4	2.42	21	12.73	16	9.70	16	9.70	26	15.76	31	18.79	26	16.00	17	10.30	8	4.85					5.65	
163	Xã Yên Mạc	Trường TH&THCS Ta Uyên	66						6	9.09	7	10.61	9	13.64	15	22.73	7	10.61	15	23.00	5	7.58	2	3.03					5.64	
164	Xã Giao Minh	Trường THCS Giao Thiện	125				1	0.80	2	1.60	15	12.00	30	24.00	27	21.60	25	20.00	19	15.20	5	4.00	1	0.80	1	0.80			5.62	
165	Xã Nam Trực	Trường THCS Nam Cường	141			1	0.71	5	3.55	10	7.09	18	12.77	15	10.64	25	17.73	22	15.60	22	15.60	18	12.77	5	3.55					5.62
166	Phường Yên Thắng	Trường THCS Mai Sơn	61							3	4.92	9	14.75	10	16.39	13	21.31	12	19.67	7	11.00	2	3.28	5	8.20					5.62
167	Xã Xuân Trường	Trường THCS Xuân Kiên	142				2	1.41	11	7.75	14	9.86	11	7.75	44	30.99	25	17.61	13	9.15	15	10.56	7	4.93					5.61	
168	Xã Giao Bình	Trường THCS Bạch Long	105				1	0.95	8	7.62	13	12.38	15	14.29	22	20.95	19	18.10	12	11.43	11	10.48	4	3.81					5.61	
169	Phường Nguyễn Ủy	Trường THCS Bạch Linh	92				3	3.26	2	2.17	8	8.70	15	16.30	23	25.00	25	27.17	9	10.00	4	4.35	3	3.26					5.61	
170	Phường Kim Thanh	Trường THCS Nhật Tân	195				6	3.08	20	10.26	27	13.85	27	13.85	32	16.41	27	13.85	22	11.00	21	10.77	13	6.67	3	2.00			5.61	
171	Xã Hải Tiến	Trường THCS Hải Sơn	98						5	5.10	14	14.29	16	16.33	21	21.43	17	17.35	12	12.24	6	6.12	7	7.14					5.60	
172	Xã Hải Thịnh	Trường THCS Thịnh Long	214				5	2.34	20	9.35	29	13.55	10	4.67	57	26.64	24	11.21	30	14.02	26	12.15	13	6.07					5.60	
173	Phường Yên Thắng	Trường THCS Yên Thắng	121						11	9.09	12	9.92	29	23.97	17	14.05	19	15.70	17	14.00	10	8.26	6	4.96					5.60	
174	Xã Lai Thành	Trường THCS Lai Thành	193	2	1.04	2	1.04	4	2.07	45	23.32	52	26.94	35	18.13	23	11.92	12	6.22	10	5.00	7	3.63	3	1.55					5.60
175	Phường Kim Thanh	Trường THCS Hoàng Tây	92				1	1.09	10	10.87	11	11.96	13	14.13	19	20.65	15	16.30	11	12.00	7	7.61	5	5.43					5.60	
176	Phường Nam Hoa Lư	Trường THCS Ninh Văn	191				6	3.14	13	6.81	30	15.71	28	14.66	34	17.80	32	16.75	14	7.00	17	8.90	17	8.90	1	0.52			5.58	
177	Xã Gia Viễn	Trường tiểu học và THCS Gia Vương	41						2	4.88	6	14.63	5	12.20	11	26.83	8	19.51	5	12.00	4	9.76							5.58	
178	Phường Nam Định	THCS Lộc Vương	120				2	1.67	10	8.33	5	4.17	8	6.67	39	32.50	21	17.50	14	11.67	13	10.83	8	6.67					5.57	
179	Xã Bình Lục	Trường THCS Bình Nghĩa	168				3	1.79	5	2.98	21	12.50	38	22.62	36	21.43	33	19.64	15	9.00	11	6.55	6	3.57					5.56	
180	Xã Giao Ninh	Trường THCS Quát Lâm	142				2	1.41	14	9.86	17	11.97	12	8.45	29	20.42	33	23.24	23	16.20	5	3.52	7	4.93					5.56	
181	Xã Gia Hưng	Trường THCS Gia Hưng	109				1	0.92	2	1.83	8	7.34	29	26.61	27	24.77	23	21.10	9	8.00	7	6.42	3	2.75					5.56	
182	Xã Xuân Trường	Trường THCS Xuân Ninh	193				4	2.07	20	10.36	19	9.84	17	8.81	42	21.76	39	20.21	26	13.47	19	9.84	7	3.63					5.55	
183	Phường Mỹ Lộc	Trường THCS Tiến Thành	158				10	6.33	5	3.16	15	9.49	15	9.49	43	27.22	31	19.62	18	11.39	16	10.13	5	3.16	1	0.63			5.55	
184	Xã Yên Tử	Trường THCS Yên Nhân	179			1	0.56	6	3.35	31	17.32	33	18.44	33	18.44	30	16.76	22	12.29	14	8.00	6	3.35	3	1.68					5.55
185	Phường Kim Bảng	Trường THCS Văn Xá	145						6	4.14	25	17.24	21	14.48	25	17.24	33	22.76	18	12.00	15	10.34	2	1.38					5.55	
186	Xã Đông Thịnh	Trường THCS Nghĩa Thịnh	125				3	2.40	14	11.20	11	8.80	17	13.60	21	16.80	29	23.20	17	13.60	8	6.40	5	4.00					5.54	
187	Phường Trung Sơn	Trường THCS Đông Sơn	125				2	1.60	13	10.40	25	20.00	24	19.20	24	19.20	13	10.40	11	18.00	12	9.60	1	0.80					5.54	
188	Xã Thanh Liêm	Trường THCS Thanh Liêm	164			2	1.22	2	1.22	9	5.49	18	10.98	23	14.02	35	21.34	36	21.95	26	16.00	9	5.49	4	2.44					5.54
189	Xã Vũ Dương	Trường THCS Yên Dương	136				2	1.47	12	8.82	17	12.50	24	17.65	20	14.71	29	21.32	22	16.18	6	4.41	4	2.94					5.54	
190	Xã Liên Minh	Trường THCS Vĩnh Hào	84				1	1.19	3	3.57	9	10.71	15	17.86	21	25.00	18	21.43	11	13.10	5	5.95	1	1.19					5.53	
191	Phường Tiên Sơn	Trường THCS A Tiên Sơn	188				2	1.06	12	6.38	19	10.11	37	19.68	43	22.87	28	14.89	29	15.00	12	6.38	6	3.19					5.52	
192	Xã Vũ Dương	Trường THCS Yên Ninh	236			1	0.42	4	1.69	17	7.20	32	13.56	40	16.95	46	19.49	43	18.22	30	12.71	15	6.36	8	3.39					5.52
193	Xã Giao Minh	Trường THCS Giao Thanh	80						5	6.25	7	8.75	15	18.75	20	25.00	17	21.25	9	11.25	7	8.75							5.50	
194	Phường Tây Hoa Lư	Trường THCS Gia Sinh	133				3	2.26	8	6.02	11	8.27	33	24.81	32	24.06	17	12.78	17	13.00	8	6.02	4	3.01	1	0.75			5.50	
195	Xã Thanh Lâm	Trường THCS Thanh Hải	90						6	6.67	7	7.78	19	21.11	23	25.56	15	16.67	13	14.00	4	4.44	3	3.33					5.50	
196	Xã Hải Tiến	Trường THCS Cồn	143				1	0.70	10	6.99	27	18.88	21	14.69	22	15.38	18	12.59	26	18.18	10	6.99	8	5.59					5.49	
197	Phường Tam Điệp	Trường THCS Quang Sơn	88				10	11.36	4	4.55	5	5.68	16	18.18	13	14.77	16	18.18	13	15.00	7	7.95	4	4.55					5.49	
198	Xã Khánh Hội	Trường THCS Khánh Thủy	75						5	6.67	9	12.00	16	21.33	16	21.33	15	20.00	7	9.00	5	6.67	2	2.67					5.49	
199	Xã Thanh Liêm	Trường THCS Thanh Hương	159				3	1.89	18	11.32	16	10.06	17	10.69	33	20.75	30	18.87	29	18.00	8	5.03	5	3.14					5.49	
200	Phường Hoa Lư	Trường THCS Ninh Mỹ	91						13	14.29	17	18.68	9	9.89	11	12.09	15	16.48	14	15.38	3	3.30	9	9.89					5.48	
201	Xã Bình Mỹ	Trường Tiểu học & THCS Đồn Xá	75			1	1.33	1	1.33	2	2.67	8	10.67	9	12.00	21														

